

Số: 180 /KH-UBND

Quảng Ninh, ngày 18 tháng 10 năm 2022

KẾ HOẠCH

Chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 để thực hiện Nghị quyết số 06- NQ-HU ngày 20/7/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Quảng Ninh

Thực hiện Kế hoạch số 698/KH-UBND ngày 28/04/2022 của UBND tỉnh Quảng Bình về thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 31/3/2022 của Tỉnh ủy Quảng Bình về chuyển đổi số tỉnh Quảng Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 06 -NQ/HU ngày 20/7/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về chuyển đổi số huyện Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

UBND huyện ban hành kế hoạch chuyển đổi số huyện Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Xây dựng các nền tảng, phát triển hạ tầng CNTT-TT hiện đại, đồng bộ, ứng dụng CNTT sâu rộng, phát triển nguồn nhân lực CNTT-TT, nâng cao an toàn thông tin trong toàn hệ thống chính trị nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành, thúc đẩy cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh; phát triển theo hướng bền vững phục vụ người dân, xã hội ngày một tốt hơn, nâng cao sự hài lòng, chất lượng cuộc sống của người dân; ứng dụng các thành tựu của cuộc CMCN 4.0 hướng đến nền kinh tế số, xã hội số góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội nhanh, bền vững, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn huyện.

Phấn đấu nâng cao chỉ số sẵn sàng ứng dụng và phát triển CNTT, chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân (SiPas), chỉ số cải cách hành chính (PAR Index)...

- Hiện đại hoá, nâng cao năng lực hoạt động công tác quản lý, điều hành trong; cải thiện mối liên kết giữa Chính quyền - người dân – doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân; tạo lập nền tảng xây dựng và phát triển các chuỗi dịch vụ, sản phẩm chất lượng cao, có tính kết nối và mang lại những lợi ích về kinh tế- xã hội; gìn giữ và bảo tồn các giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu đến năm 2025

a) *Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động*

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên

hiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động. Tích hợp 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 với Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính nộp trực tuyến trên 50%; tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần; tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

- 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

100% cơ sở dữ liệu thuộc cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh, huyện được kết nối, chia sẻ.

- 40% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

Huyện Quảng Ninh thuộc 1 trong 3 đơn vị của tỉnh dẫn đầu về chính quyền điện tử cấp huyện.

b) Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Kinh tế số chiếm 20% nền kinh tế huyện

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%; ở một số ngành, lĩnh vực kinh tế trọng điểm, mũi nhọn, có lợi thế như tài chính, ngân hàng, viễn thông, thương mại, du lịch, dịch vụ... đạt trên 25%.

- 100% sản phẩm OCOP; 50% sản phẩm nông nghiệp; tiểu thủ công nghiệp; công nghiệp được giới thiệu, tiêu thụ trên các sàn thương mại điện tử trong nước.

- 50% doanh nghiệp trên địa bàn huyện tiếp cận, tham gia, thực hiện chuyển đổi số.

c) Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Hạ tầng băng rộng cáp quang kết nối đến 100% xã và trên 95% hộ gia đình.

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G đạt 100%, mạng di động 5G đạt 40% đến xã.

- 70% cơ sở khám chữa bệnh, bao gồm trạm y tế xã, thị trấn có triển khai nền tảng hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa.

- 70% cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện triển khai nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa và có thể chia sẻ tài nguyên dạy và học.

- Xây dựng trung tâm điều hành thông minh huyện; huyện đạt tiêu chí nền tảng về đô thị thông minh.

3. Mục tiêu định hướng đến năm 2030

a) Về Chính quyền số

- Giảm 30% số lượng các thủ tục hành chính, tăng 30% dịch vụ mới có tính sáng tạo dựa trên dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- 95% hồ sơ công việc tại cấp huyện, 80% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 100% báo cáo định kỳ và báo cáo tổng hợp kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành của cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện trên hệ thống báo cáo của tỉnh.

- 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Từng bước nâng thứ hạng trên bảng xếp hạng chỉ số chính quyền số của tỉnh

b) Về kinh tế số

- Kinh tế số chiếm 20% nền kinh tế huyện.

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%; ở một số ngành, lĩnh vực kinh tế trọng điểm, mũi nhọn đạt trên 35%.

- Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 8%.

- 100% doanh nghiệp trên địa bàn huyện tiếp cận, tham gia, thực hiện chuyển đổi số. Tối thiểu có 01 doanh nghiệp công nghệ số làm chủ công nghệ, cung cấp các sản phẩm, giải pháp phần mềm phục vụ chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng được đưa vào ứng dụng thực tế.

c) Về xã hội số

- Hạ tầng băng rộng cáp quang kết nối đến 98% hộ gia đình.

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G đạt 100% đến xã.

- Trên 90% người dân trưởng thành có tài khoản thanh toán điện tử.

- 95% người dân trưởng thành có thể truy cập hồ sơ bệnh án điện tử và thanh toán viện phí không dùng tiền mặt.

- 95% cơ sở khám chữa bệnh, bao gồm trạm y tế xã, thị trấn có triển khai nền tảng hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa.

- 90% cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện triển khai nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa và có thể chia sẻ tài nguyên dạy và học.

- Hoàn thành việc chuyển đổi số cơ bản trong hệ thống các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp.

- Có ít nhất 2 đơn vị cấp xã đạt nền tảng về đô thị thông minh.

- Duy trì huyện Quảng Ninh thuộc nhóm khá về bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

II. NHIỆM VỤ

1. Hoàn thiện quy chế, quy định pháp lý

- Xây dựng các chính sách về CSDL (danh mục dữ liệu, danh mục CSDL, kế hoạch mở dữ liệu...).

- Xây dựng quy trình vận hành các hệ thống của huyện đảm bảo về an toàn, an ninh thông tin.

- Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy người dân và doanh nghiệp sử dụng hiệu quả các dịch vụ công trực tuyến.

2. Phát triển hạ tầng số

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật đảm bảo ứng dụng CNTT trong nội bộ các cơ quan Nhà nước: trang thiết bị CNTT, hạ tầng mạng LAN, mạng Internet tốc độ cao;... đảm bảo các điều kiện cần thiết sẵn sàng thực hiện kết nối, triển khai các ứng dụng CNTT dùng chung của tỉnh, hướng tới hình thành hạ tầng số cho Chính quyền số huyện.

- Kết nối mạng diện rộng (WAN) của huyện trên cơ sở sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng và Nhà nước để kết nối các cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện triển khai các phần mềm dùng chung của tỉnh; đảm bảo hoạt động của Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến huyện phục vụ công tác chỉ đạo và điều hành;...

- Từng bước xây dựng nền tảng hạ tầng cho triển khai trung tâm điều hành thông minh: Xây dựng trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC) huyện.

3. Triển khai các nền tảng, hệ thống

- Triển khai sử dụng hiệu quả các ứng dụng dùng chung theo hướng tích hợp, chia sẻ dữ liệu và khai thác các CSDL quốc gia, CSDL địa phương.

- Thực hiện tiếp nhận, kế thừa, sử dụng các CSDL đã được Trung ương, tỉnh đầu tư, xây dựng (các CSDL về dân cư, đất đai, đăng ký doanh nghiệp, dân số, tài chính, bảo hiểm...).

- Tiếp tục duy trì và cập nhật dữ liệu dùng chung (LGSP) và kết nối với Hệ thống kết nối, liên thông các hệ thống thông tin ở trung ương và địa phương (NGSP) để khai thác các cơ sở dữ liệu quốc gia, hệ thống thông tin có quy mô, phạm vi từ trung ương đến địa phương.

- Từng bước thực hiện lộ trình chuyển đổi số, số hóa. Cung cấp danh mục dữ liệu đã được số hóa theo quy định để tổ chức tích hợp, chia sẻ cho các HTTT của các cơ quan nhà nước bảo đảm dữ liệu được thu thập một lần; Kết nối với các CSDL, HTTT quốc gia, HTTT triển khai từ trung ương đến địa phương.

4. Triển khai các ứng dụng, dịch vụ

4.1. Triển khai các ứng dụng, dịch vụ phục vụ hoạt động nội bộ các cơ quan nhà nước

- Duy trì, nâng cấp, mở rộng các Cổng thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước các cấp trên nền tảng công nghệ dùng chung để phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Sử dụng hiệu quả hệ thống Quản lý văn bản và điều hành công việc đảm bảo áp dụng hiệu quả thống nhất từ cấp huyện đến cấp xã. Hệ thống thư điện tử công vụ được trang cấp tới các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn huyện.

- Ứng dụng hiệu quả chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong các cơ quan nhà nước huyện.

- Xây dựng trung tâm giám sát, điều hành thông minh huyện (IOC) (Văn phòng UBND huyện).

- Triển khai hệ thống thông tin quản lý trạm y tế xã, thị trấn tại Trung tâm y tế huyện.

4.2. Triển khai ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Triển khai các ứng dụng Chính phủ điện tử giúp điều hành, quản lý và kết nối với người dân, doanh nghiệp: triển khai các ứng dụng thiết yếu trên các thiết bị di động cho người dân, doanh nghiệp, xây dựng kênh tương tác tự động phục vụ kết nối với người dân, doanh nghiệp. Thiết lập kênh tương tác đa chiều giữa Chính quyền và người dân, doanh nghiệp một cách kịp thời, hiệu quả. Tăng cường mối quan hệ, liên kết và thu hẹp khoảng cách giữa Chính quyền các cấp với người dân, doanh nghiệp trong và ngoài địa bàn huyện Quảng Ninh. Thúc đẩy sự tham gia của người dân, doanh nghiệp trong công tác giám sát cũng như xây dựng và phát triển huyện Quảng Ninh.

- Triển khai có hiệu quả các hoạt động ứng dụng CNTT gắn kết chặt chẽ với chương trình cải cách hành chính. Tiếp tục triển khai cung cấp DVCTT mức độ 3, 4 theo chỉ đạo của Chính phủ; tích hợp cổng thanh toán trực tuyến; tích hợp Cổng dịch vụ công quốc gia; tích hợp giải pháp xác thực điện tử tập trung; từng bước số hóa các kết quả giải quyết TTHC đồng thời tăng cường số hóa hồ sơ của các tổ chức, công dân.

- Ứng dụng CNTT hiệu quả, toàn diện tại bộ phận tiếp nhận, trả kết quả thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, tăng cường trao đổi, xử lý hồ sơ qua mạng; bảo đảm tính liên thông giữa các đơn vị trong quy trình xử lý thủ tục, tin học hóa tối đa các hoạt động trong quy trình thủ tục hành chính. Tiếp tục triển khai tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích.

5. Phát triển kinh tế số

- Thúc đẩy phát triển kinh tế số với trọng tâm là phát triển doanh nghiệp công nghệ số, phát triển nội dung số, công nghiệp sáng tạo, kinh tế nền tảng, kinh tế chia sẻ, thương mại điện tử và sản xuất thông minh. Thúc đẩy chuyển đổi số trong mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản lý của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và cả nền kinh tế của huyện.

- Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số cải cách hành chính, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện, tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp số khởi nghiệp, hình thành cộng đồng doanh nghiệp số; khuyến khích các doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số, từng bước thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Tăng cường triển khai các hệ thống hạ tầng và dịch vụ nhằm hỗ trợ phát triển thương mại điện tử. Xây dựng thị trường thương mại điện tử lành mạnh có tính cạnh tranh và phát triển bền vững; trong đó, hỗ trợ ứng dụng rộng rãi thương mại điện tử trong doanh nghiệp và cộng đồng. Tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh triển khai nền tảng thanh toán trực tuyến, di động phục vụ người dân (Viettel Pay, VNPT Pay,...).

6. Phát triển xã hội số

- Triển khai các chương trình đào tạo, đào tạo lại kỹ năng lãnh đạo, quản lý chuyển đổi số cho người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, giám đốc điều hành các doanh nghiệp. Tổ chức đào tạo, đào tạo lại, nâng cao kỹ năng số cho người lao động tại các doanh nghiệp trên địa bàn huyện. Hình thành văn hóa không ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình chuyển đổi số.

- Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình tham gia thực hiện thủ tục hành chính của người dân với chính quyền các cấp. Mở rộng các kênh kết nối phục vụ thực hiện thủ tục hành chính của người dân dựa trên nền tảng các mạng xã hội.

7. Chuyển đổi số trong các lĩnh vực ưu tiên

7.1. Lĩnh vực y tế

- Phát triển nền tảng hỗ trợ khám, tư vấn, chữa bệnh từ xa; từng bước xây dựng nền tảng quản trị y tế thông minh dựa trên công nghệ số, tích hợp thông tin, dữ liệu, hình thành cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế; sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử tiến tới không sử dụng bệnh án giấy, thanh toán viện phí, hình thành các bệnh viện thông minh. Phấn đấu 100% các cơ sở y tế có bộ phận khám chữa bệnh từ xa; thúc đẩy chuyển đổi số ngành y tế.

- Hoàn thiện hành lang pháp lý để tạo điều kiện cho khám chữa bệnh từ xa và đơn thuốc điện tử cho người dân, bảo đảm người dân có thể tiếp xúc bác sỹ nhanh, hiệu quả, giảm chi phí và thời gian vận chuyển bệnh nhân.

7.2. Lĩnh vực giáo dục

- Đổi mới nội dung và chương trình giáo dục, đào tạo thích ứng với môi trường công nghệ liên tục thay đổi và phát triển; tận dụng công nghệ số để gia tăng khả năng tiếp cận giáo dục cho mọi đối tượng, nhất là người dân ở vùng khó khăn. Số hóa tài liệu, giáo trình, xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến.

- 100% các cơ sở giáo dục phổ thông triển khai công tác dạy và học từ xa; trong đó, thử nghiệm chương trình đào tạo cho phép học sinh học trực tuyến, ứng dụng công nghệ số để giao bài tập về nhà và kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh trước khi đến lớp học.

Tăng cường khai thác, sử dụng công nghệ số, nền tảng số phục vụ đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học, kiểm tra và đánh giá kết quả dạy và học; hỗ trợ dạy và học từ xa; hỗ trợ giáo dục, đào tạo hướng cá thể hóa. Đến năm 2025, cơ bản các trường học, cơ sở giáo dục, đào tạo có trang thông tin

điện tử cung cấp thông tin về cơ sở vật chất, chương trình học, đội ngũ giáo viên, giảng viên; ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong quản lý, quản trị nhà trường (từ quản lý học sinh, sinh viên, giáo viên, cán bộ đến quá trình học tập, thời khóa biểu...); và phổ biến việc thanh toán học phí, lệ phí trực tuyến, không dùng tiền mặt.

7.3. Lĩnh vực nông nghiệp

- Phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, ứng dụng công nghệ số trong quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc, chỉ dẫn địa lý, hướng dẫn, khuyến khích nông dân thực hiện thương mại điện tử trong nông nghiệp tập trung vào các sản phẩm OCOP chủ lực của huyện, tăng tỷ trọng của nông nghiệp công nghệ số trong nền kinh tế.

- Xây dựng Hệ thống thông tin chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa một số quy trình sản xuất, kinh doanh phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương. Thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ trong công tác quản lý để có các chính sách điều hành kịp thời phát triển nông nghiệp như: Dự báo, cảnh báo thị trường, quản lý quy hoạch...

7.4. Lĩnh vực du lịch

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển du lịch thông minh trong quảng bá, xúc tiến, thu hút du khách và quản lý trên lĩnh vực du lịch, tăng cường ứng dụng các kênh tương tác online cho phép đánh giá, nhận xét về chất lượng dịch vụ du lịch trên địa bàn huyện.

- Hoàn thành việc số hóa toàn bộ dữ liệu về cơ sở lưu trú. Hình thành hệ thống thông tin về số khu, điểm du lịch, di tích lịch sử, danh thắng, cơ sở dịch vụ du lịch và khách du lịch.

- Phát triển các ứng dụng trên thiết bị di động cung cấp thông tin cho khách du lịch về điểm đến, sản phẩm dịch vụ du lịch, thuyết minh du lịch tự động qua thiết bị di động thông minh.

- Xây dựng CSDL khách sạn, nhà hàng, các địa điểm lưu trú, vận tải du lịch trên địa bàn huyện.

7.5. Chuyển đổi số cấp xã gắn với xây dựng nông thôn mới

- Tiếp tục triển khai xây dựng xã thông minh tại các xã, thị trấn nhằm đẩy ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong chính quyền, góp phần nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo điều hành; tăng cường tương tác giữa người dân, doanh nghiệp với chính quyền; hỗ trợ cho người dân, doanh nghiệp được tiếp cận và sử dụng các ứng dụng, dịch vụ tiện ích, thuận lợi nhất nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân, góp phần đảm bảo an sinh xã hội, an toàn, an ninh trật tự và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Triển khai hạ tầng số (kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng, hội nghị truyền hình, hệ thống truyền thanh thông minh, camera an ninh...). Phát triển

thương mại điện tử, đưa sản phẩm nông sản lên sàn giao dịch. Triển khai y tế thông minh, tư vấn, chăm sóc sức khỏe từ xa cho người dân, xây dựng chính quyền điện tử cấp xã. Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân và cán bộ xã, thị trấn về chính quyền điện tử, dịch vụ công trực tuyến và chuyển đổi số.

8. Bảo đảm an toàn thông tin

- Tiếp tục xây dựng, ban hành, thường xuyên rà soát, cập nhật các Kế hoạch, quy chế, quy định về bảo đảm ATTT mạng trong hoạt động của cơ quan, tổ chức trên địa bàn huyện.

- Chỉ đạo các doanh nghiệp, tổ chức thuộc phạm vi quản lý thực hiện rà soát, đánh giá, có biện pháp tăng cường bảo đảm ATTT đối với các hệ thống hạ tầng thông tin, hệ thống điều khiển công nghiệp và các hệ thống thông tin quan trọng khác do doanh nghiệp quản lý, khai thác, vận hành.

- Tham gia diễn tập các tình huống giả định sự cố thường xuyên, để tăng khả năng ứng phó kịp thời khi có sự cố xảy ra.

- Tổ chức đào tạo tập huấn cán bộ chuyên trách về giám sát an toàn thông tin mạng.

- Triển khai sử dụng các phần mềm, giải pháp phòng chống virus, phần mềm độc hại.

- Định kỳ hàng năm cử cán bộ chuyên trách/ phụ trách về ATTT/công nghệ thông tin tham gia các khóa đào tạo quản lý, kỹ thuật về ATTT.

- Cử cán bộ, công chức tham gia Đội ứng cứu sự cố ATTT mạng của tỉnh; tham gia tích cực vào các hoạt động của Mạng lưới ứng cứu sự cố ATTT mạng tỉnh; tăng cường chia sẻ, cung cấp thông tin về sự cố an toàn mạng.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân.

9. Phát triển nguồn nhân lực

- Tổ chức các chuyên đề tập huấn kiến thức cơ bản về chuyển đổi số và nâng cao kiến thức, nghiệp vụ quản lý nhà nước trên nền tảng chuyển đổi số cho các cấp lãnh đạo từ huyện đến xã.

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên sâu và nâng cao về các công nghệ mới, kiến thức chuyển đổi số, phương thức xây dựng các hệ thống thông tin trong chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin cho cán bộ chuyên trách CNTT trong các cơ quan nhà nước.

- Tổ chức các khóa tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng sử dụng, khai thác các hệ thống thông tin của tỉnh cho cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước theo nhu cầu của các cấp, các ngành.

- Tổ chức các khóa đào tạo, giới thiệu kiến thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

- Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của xây dựng, phát triển Chính quyền số và đô thị thông minh trong sự nghiệp xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội huyện. Thực hiện nhiều hình thức thông tin tuyên truyền như: Xây dựng chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, tọa đàm, hội thảo, các giải pháp truyền thông hiện đại để tuyên truyền rộng rãi về các kế hoạch, hoạt động ứng dụng và phát triển CNTT của tỉnh, huyện; nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen hành vi, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp về phát triển Chính quyền số và Đô thị thông minh.

- Ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ Chính phủ số; đưa nội dung đào tạo kỹ năng số vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học; xây dựng, ứng dụng các nền tảng đào tạo kỹ năng số cho người dân; xây dựng, ứng dụng các nền tảng, kênh tương tác trực tuyến giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp; tuyên truyền người dân thường xuyên sử dụng điện thoại thông minh để có thể tiếp cận dịch vụ số mọi lúc, mọi nơi.

2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

- Phối hợp doanh nghiệp bưu chính công ích cung cấp dịch vụ công (thông qua mạng bưu chính công cộng, mạng xã hội, ứng dụng của doanh nghiệp); tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số;...

- Thực hiện gắn kết chặt chẽ giữa cải cách TTHC với phát triển Chính quyền số; rà soát các TTHC, quy trình nghiệp vụ trong các cơ quan nhà nước theo hướng đơn giản hóa hoặc thay đổi phù hợp để có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ số; rà soát loại bỏ một số thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ khi ứng dụng công nghệ số.

- Chuẩn hóa kiến thức cho cán bộ chuyên trách CNTT các cơ quan nhà nước theo khung chương trình bồi dưỡng về ứng dụng CNTT và an toàn thông tin cho cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm về CNTT do Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nâng cao, chuyên sâu về CNTT cho cán bộ, công chức, viên chức của huyện.

3. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

- Tăng cường nghiên cứu, đề xuất triển khai các giải pháp tích hợp, ứng dụng, sản phẩm CNTT phục vụ xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới nền kinh tế số, xã hội số dựa trên dữ liệu mở, ứng dụng các công nghệ mới trên địa bàn huyện.

- Triển khai hợp tác, học tập kinh nghiệm về xây dựng Chính quyền số với các đơn vị cùng cấp có xếp hạng cao về Chính quyền số, bảo đảm có trọng

tâm, phù hợp với tình hình thực tế của huyện, đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng.

4. Thu hút nguồn lực CNTT

- Huy động các nguồn lực ưu tiên xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số của huyện theo hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin trọn gói do các doanh nghiệp công nghệ thông tin cung cấp, sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

- Nghiên cứu, xây dựng cơ chế khuyến khích, chính sách ưu đãi để thu hút nhân lực tham gia xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử trong bộ máy nhà nước. Tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số;...

5. Giải pháp tổ chức, triển khai

- Tăng cường hoạt động Ban Chỉ đạo chuyển đổi số huyện trong công tác chỉ đạo thực hiện phát triển chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước. Xây dựng Kế hoạch hàng năm của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số huyện nhằm phát huy vai trò kiểm tra, đôn đốc, theo dõi, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ chung về xây dựng Chính quyền số huyện.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Lãnh đạo các cơ quan, ban, ngành và UBND các xã, thị trấn, phát huy tối đa vai trò quản lý nhà nước, tổ chức triển khai thực hiện chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị nhằm xây dựng thành công Chính quyền số huyện.

- Tiếp tục kiện toàn và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT về đảm bảo an toàn thông tin, phòng chống tấn công mạng, giám sát, cảnh báo, ứng cứu sự cố tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách huyện, ngân sách địa phương theo phân cấp nhiệm vụ chi hiện hành và các nguồn hợp pháp khác.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm xây dựng dự toán hàng năm gửi Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện tham mưu UBND huyện bố trí kinh phí thực hiện; đồng thời có trách nhiệm bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ trong dự toán ngân sách hàng năm được cấp có thẩm quyền giao.

3. Khuyến khích việc huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách theo quy định của pháp luật để triển khai thực hiện Kế hoạch.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa và Thông tin huyện

- Là cơ quan đầu mối chủ trì và phối hợp với các cơ quan, ban, ngành và địa phương tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Chủ trì, xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết, theo dõi, đôn đốc triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, địa phương có liên quan xây dựng các cơ chế, chính sách liên quan đến việc thực hiện Kế hoạch, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt.

- Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện về tiến độ thực hiện Kế hoạch và đề xuất các giải pháp kịp thời, cần thiết để bảo đảm việc thực hiện Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan trên địa bàn huyện xây dựng kế hoạch, triển khai công tác thông tin, tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng để các cấp, các ngành, đông đảo người dân và doanh nghiệp hiểu và tham gia vào Kế hoạch.

- Chủ trì xây dựng Kế hoạch và tổ chức các khóa đào tạo CNTT, khảo sát đánh giá sự hài lòng của tổ chức công dân về chính quyền số.

- Theo dõi, đôn đốc các đơn vị triển khai Kế hoạch, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với UBND huyện.

2. Văn phòng HĐND&UBND huyện

- Chủ trì, phối hợp với Phòng VH&TT huyện, các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng trung tâm giám sát, điều hành thông minh huyện (IOC).

- Phối hợp với Phòng VH&TT xây dựng các cơ chế, chính sách liên quan đến việc thực hiện Kế hoạch.

3. Phòng Nội vụ huyện

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn các cơ quan, ban, ngành, địa phương thực hiện cải cách hành chính.

- Hằng năm, phối hợp tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức cho cán bộ lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức cơ quan nhà nước các cấp về Chính quyền số, Khung kiến trúc Chính quyền điện tử/Chính quyền số và bảo đảm an toàn, an ninh mạng; Tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu cho cán bộ, công chức, viên chức.

4. Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện

- Phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin cân đối ngân sách và lồng ghép các nguồn vốn đảm bảo đủ kinh phí thực hiện Kế hoạch theo đúng tiến độ đề ra.

- Hướng dẫn cơ quan, đơn vị, địa phương các quy định về quản lý tài chính; thanh tra, kiểm tra việc sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn huy động trong thực hiện Kế hoạch.

5. Các cơ quan, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn tập trung triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể trong Kế hoạch này và Kế hoạch của đơn vị đã được ban hành; chịu trách nhiệm cá nhân trước

Chủ tịch UBND huyện về kết quả phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2022 của cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

- Phối hợp chặt chẽ với Phòng Văn hóa và Thông tin và các cơ quan liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện các chương trình, dự án đảm bảo tiết kiệm, chất lượng, hiệu quả, đúng quy định./

Yêu cầu các phòng, ban, ngành, địa phương và cơ quan, tổ chức liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc báo cáo về UBND huyện (qua phòng Văn hóa và Thông tin huyện) để xem xét, điều chỉnh phù hợp./

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Thông tin & Truyền thông; (để B/c)
- TV Huyện ủy; TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- UBMT và các đoàn thể huyện;
- Thành viên BCD CDS huyện;
- Chánh VP H/u; VP HĐND&UBND
- Các phòng, ban, cơ quan liên quan;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Trung Đông